

Số: 54 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2013

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô
(Theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật Thủ đô)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô; nhằm cụ thể hoá quy định tại khoản 3(a,b) Điều 11 Luật Thủ đô trong đó giao “Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô”; Thực hiện Chương trình xây dựng Nghị quyết năm 2013 và Chương trình kỳ họp lần thứ 7 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XIV, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XIV tại kỳ họp thứ 7 xem xét, thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố với những nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Đối với chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

1.1. Về chính sách khuyến khích đầu tư:

- Hiện tại các công trình văn hóa thuộc danh mục được quy định tại quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày

10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ được áp dụng các chính sách khuyến khích đầu tư theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, do vậy, Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố không quy định chi tiết các nội dung này, mà vẫn áp dụng các ưu đãi như đã được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008;

- Riêng đối với các công trình công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí:

Theo danh mục được quy định tại quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì các công trình ***công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí*** không có trong danh mục được hưởng chính sách đầu tư theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ. Tuy nhiên, để cụ thể hóa Luật Thủ đô, đồng thời xét về loại hình và tính chất các công trình này đều mang tính xã hội hóa. Do vậy, đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố cho phép áp dụng các chính sách ưu đãi đã được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008;

- Đối với dự án khu vui chơi giải trí: Theo các quy định hiện hành, các dự án này không được quy chuẩn, tiêu chuẩn hóa; do vậy, trong thực tế, các loại hình công trình vui chơi giải trí diễn biến rất đa dạng, như trên địa bàn Thành phố đã có 08 Dự án sân golf đã và đang được đầu tư, các khu vui chơi giải trí nằm kết hợp trong các trung tâm thương mại như VINCOM, Royal City; hoặc trong các công viên có sẵn như Thủ Lệ, Thống Nhất, Bách Thảo. Do đó, việc áp dụng các chính sách phải đảm bảo đúng tiêu chí, đúng đối tượng cần được khuyến khích và chỉ tập trung vào các loại hình vui chơi giải trí mà khi kinh doanh sẽ có khó khăn, không có lợi nhuận cao;

1.2. Về huy động vốn đóng góp tự nguyện: trong những năm qua, trên địa bàn Thủ đô nói riêng, cả nước nói chung, các tổ chức, cá nhân đã tự nguyện xây dựng, tu bổ, tôn tạo nhiều di tích lịch sử, văn hóa, xây dựng thành công nhiều công trình như chùa Bái Đính (tỉnh Ninh Bình), một số hạng mục công trình thuộc chùa Hương (huyện Mỹ Đức); tượng đài Thánh Gióng (huyện Sóc Sơn); năm 2012, Ủy ban nhân dân Thành phố đã giao Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội nghiên cứu, lập quy hoạch, dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo Công viên Văn hóa Đổng Đa-Di tích gò Đổng Đa. Tuy nhiên, trong thực tế, các đóng góp này chưa được pháp luật quy định cụ thể, chủ yếu vẫn là các hoạt động tự phát, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện chưa được ghi nhận bằng các hình thức biểu dương, khen thưởng. Do vậy, trong dự thảo nghị quyết đề nghị ban hành quy định huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí công cộng không có chức năng kinh doanh; các công trình thuộc lĩnh vực văn hóa gồm: di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; các giá trị văn hóa phi vật thể cần được bảo tồn, phát huy.

2. Đối với Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể:

Từ trước đến nay, các phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể chưa được khảo sát, thống kê, nghiên cứu, phân loại, đánh giá giá trị, lập danh sách một cách tổng hợp, do vậy chưa được xây dựng kế hoạch bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị lâu dài.

Tại Điều 4 của Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: “**Di sản văn hóa phi vật thể** là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan; có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng; không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác”. Để phù hợp với pháp luật hiện hành về di sản văn hóa đề nghị sử dụng “Danh mục **di sản văn hóa vật thể** trên địa bàn Thủ đô” thay cho “Danh mục **các giá trị văn hóa phi vật thể** trên địa bàn Thủ đô” theo góp ý tại văn bản số 1673/BVHTTDL-DSVH ngày 09/5/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Hiện nay, đề án “Tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể Thành phố Hà Nội, lập hồ sơ khoa học để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia” đang được triển khai, dự kiến hoàn thành năm 2015. Do vậy, danh mục cụ thể sẽ trình Hội đồng nhân dân bổ sung, điều chỉnh sau khi kết quả đề án được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể được ban hành là cơ sở đầu tư huy động các nguồn lực bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 3/12/2004;

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 29/6/2009;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

- Luật Nhà ở số 56/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH 11 ngày 26/11/2003;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH 12 ngày 17/6/2009

- Luật Thủ đô số 25/2012/QH 13 ngày 21/11/2012;

- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

- Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐND ngày 13/7/2007 của HĐND Thành phố về một số cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực dịch vụ đô thị, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

- Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường”; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường” ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Thông tư số 38/2009/TT-BXD ngày 08/12/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý sử dụng nhà biệt thự tại khu vực đô thị; Thông tư số 38/2009/TT-BXD ngày 08/12/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý sử dụng nhà biệt thự tại khu vực đô thị; Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia;

- Quyết định số 70/BXD/KT-QH ngày 30/3/1995 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ, tôn tạo và phát triển khu phố cổ Hà Nội; Quyết định số 189/1998/QĐ/TTg ngày 28/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc bán biệt thự tại Thành phố Hà Nội; Quyết định số 45/1999/QĐ-UB ngày 04/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ tạm thời về quản lý xây dựng, bảo tồn và tôn tạo khu phố cổ Hà Nội; Quyết định số 46/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 26/6/2008 về việc ban hành Kỷ niệm chương và Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch”.

- Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khóa XIII kỳ họp 17 về Đề án quản lý Quỹ nhà biệt thự trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Quyết định số 85/2009/QĐ-UBND ngày

02/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế xét công nhận danh hiệu “Làng nghề truyền thống Hà Nội”.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

Thực hiện Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 và quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô.

- Ngày 8/4/2013 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành quyết định số 2475/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác liên ngành; tổ chức soạn thảo đề án, hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ngành Thành phố, xin ý kiến các Bộ: Bộ Tư pháp, Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng về dự thảo Đề án.

- Các văn bản ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành, đơn vị và các Bộ, ngành Trung ương đã cơ bản thống nhất dự thảo đề án. Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chủ trì tiếp thu các ý kiến góp ý khác để hoàn chỉnh dự thảo Đề án.

- Đề án này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua tại Hội nghị toàn thể ngày 26/4/2013 để chuyển thành dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô.

- Ngày 15/5/2013 Ban cán sự Đảng của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ban Thường vụ Thành uỷ thông qua nội dung chính sách trên. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố đã giao cơ quan soạn thảo tiếp thu các ý kiến đóng góp của Ban Thường vụ Thành uỷ để tiếp tục chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

- Ngày 22/5/2013 Tổ công tác liên Bộ tổ chức họp tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết để có đủ tính pháp lý trình Hội đồng nhân dân thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố lần thứ 7 khóa XIV.

Trong quá trình dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân Thành phố và cơ quan chủ trì soạn thảo, Sở Tư pháp xây dựng dự thảo tuân thủ trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 3/12/2004 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết được kết cấu làm 2 Chương, 14 Điều với các nội dung cụ thể sau:

Chương I

Chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô (gồm 02 mục)

Mục I: Chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí (gồm 6 điều)

1. *Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:* Phần này xác định phạm vi và đối tượng được áp dụng chính sách khuyến khích đầu tư, trong đó về phạm vi mở rộng thêm loại hình được áp dụng chính sách này là “công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí”

2. *Danh mục kêu gọi đầu tư:* Xác định điều kiện lập danh mục, chủ thể lập danh mục, công bố danh mục đầu tư và các thông tin liên quan đến việc công bố danh mục kêu gọi đầu tư.

3. *Lựa chọn Nhà đầu tư*

Quy trình nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

4. *Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích:*

4.1. Đối với công trình văn hóa đã được quy định trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg, thì được hưởng chính sách khuyến khích theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

4.2. Đối với công trình “công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí”. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư căn cứ vào Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, trong đó có công viên công cộng; ngoài ra, việc quy định điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư còn nhằm mục đích tránh nhà đầu tư lợi dụng cơ chế này đòi hỏi áp dụng cho các dự án có chức năng kinh doanh bất động sản hoặc có khả năng sinh lời cao.

Từ những lý do trên, điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư đối với các dự án là công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí được quy định như sau:

a) Mục đích sử dụng công cộng: phục vụ xã hội, cộng đồng như cải thiện môi trường, cảnh quan thiên nhiên; phục vụ hạ tầng đô thị như chứa nước, tiêu thoát nước; phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân như thể thao, vui chơi, giải trí.

b) Điều kiện về quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp từ 3-5%.

Trong dự án không bao gồm các công trình nhà ở; văn phòng, nhà cho thuê hoặc bất kỳ loại hình kinh doanh bất động sản nào khác.

5. Chính sách khuyến khích và trách nhiệm của Nhà đầu tư

5.1. Chính sách khuyến khích:

Ngoài những chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định hiện hành, nhà đầu tư được:

a) Tự chủ kinh doanh, khai thác các công trình kiến trúc xây dựng trong dự án.

b) Được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định tại chương II Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về việc khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c. Đề xuất áp dụng một số cơ chế, chính sách mới cho nhà đầu tư, cụ thể:

- Thời điểm áp dụng các chính sách khuyến khích đầu tư quy định tại điểm a,b trên đây được áp dụng tại thời điểm dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Lý do đề xuất: Xuất phát từ tình hình thực tiễn, để nhà đầu tư được áp dụng chính sách khuyến khích đầu tư tại nghị định 69/2008/NĐ-CP, các cơ quan có thẩm quyền cần có thời gian từ 3-4 năm để kiểm tra, xác nhận dự án đủ điều kiện để được hưởng chính sách (về quy mô, tính chất sử dụng). Do vậy, để chính sách khuyến khích có thể phát huy hiệu quả kịp thời, qua đó thúc đẩy tiến độ dự án; đề nghị áp dụng các chính sách khuyến khích tại điểm a,b trên đây được áp dụng tại thời điểm dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư

- Đối với các dự án có tính chất đặc biệt:

+ Trường hợp khu vui chơi giải trí, công viên chuyên đề có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp không quá 25%:

Do đối với các dự án này, quy mô các công trình kiến trúc có mật độ xây dựng cao, khả năng kinh doanh khai thác có lợi nhuận cao do vậy, nhà đầu tư được áp dụng đơn giá thuê đất ở mức tối thiểu mà không được áp dụng các chính sách khuyến khích khác được quy định tại nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

+ Trường hợp khu vui chơi giải trí, vườn hoa, công viên công cộng có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp nhỏ hơn 3%;

Do đối với các dự án này, quy mô các công trình kiến trúc nhà đầu tư nhỏ, khả năng kinh doanh nhiều hạn chế nên ngoài các chính sách được hưởng tại

Điểm a,b trên đây, Nhà đầu tư được ngân sách của Thành phố hỗ trợ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng dự án.

5.2. Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết còn quy định trách nhiệm của nhà đầu tư như : đối với diện tích sử dụng công cộng nhà đầu tư chỉ được thu các loại phí, mức phí theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vận hành, duy tu, bảo trì các công trình, hạng mục của dự án theo thời gian hoạt động trong giấy chứng nhận đầu tư và các quyết định liên quan giao, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian hoạt động của dự án, nhà đầu tư không được có bất kỳ hành vi nào cản trở các mục đích phục vụ hạ tầng đô thị chung của dự án (nếu có).

Mục II: Huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hoá, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hoá (gồm 6 điều)

1. Xác định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí, công trình văn hóa phục vụ công cộng không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô theo danh mục Thành phố kêu gọi đóng góp tự nguyện.

1.2. Đối tượng áp dụng: tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

Trường hợp tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp ngoài danh mục kêu gọi của Thành phố, việc nghiên cứu lập, triển khai thực hiện dự án tuân thủ theo Luật Xây dựng, Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 và các quy định hiện của pháp luật hiện hành.

2. Nguyên tắc thực hiện:

2.1. Việc huy động, quản lý, sử dụng vốn đóng góp tự nguyện đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Nghị quyết này.

2.2. Quá trình quản lý, sử dụng đóng góp phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích từ khi tiếp nhận, đầu tư xây dựng, bàn giao, sử dụng; phát huy hiệu quả tình cảm, vật chất, trí tuệ, đồng thời kịp thời có các hình thức ghi nhận tương xứng với đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho Thủ đô.

2.3. Tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện không vì lợi nhuận, lợi ích cá nhân hoặc có đòi hỏi nào khác về quyền lợi trái với quy định của pháp luật hiện hành.

3. **Danh mục kêu gọi đóng góp tự nguyện:** Phần này quy định về thẩm quyền công bố; điều kiện và thông tin công bố danh mục đóng góp tự nguyện

4. **Hình thức đóng góp tự nguyện:** Xác định các hình thức đóng góp tự nguyện mà tổ chức cá nhân có thể tham gia .

5. Quy trình thực hiện:

5.1. Căn cứ quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố, UBND Thành phố, UBND cấp huyện đề xuất danh mục, tổ chức tiếp nhận đóng góp, lập dự án; quản lý giám sát quá trình thực hiện các dự án.

5.2. Tiếp nhận đóng góp.

a) Ủy ban nhân dân các cấp giao một đơn vị để tiếp nhận và công bố đóng góp. Cơ quan tiếp nhận đóng góp phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Thành phố hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện để tiếp nhận tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ.

b) Trường hợp, hình thức đóng góp là tài sản, hiện vật, công lao động phải được thống kê, ghi nhận về số lượng, quy cách, chất lượng; trường hợp cần thiết phải chụp ảnh, quay phim. Đơn vị tiếp nhận chịu trách nhiệm xác định khối lượng hiện vật, ngày công lao động trình Ủy ban nhân dân, cấp trên của chủ đầu tư để làm cơ sở ghi thu vốn đầu tư và ghi chi dự án đầu tư. Trường hợp chưa sử dụng phải được tổ chức bảo quản đảm bảo an toàn chất lượng, số lượng.

c) Các khoản thu, chi phải được phản ánh vào ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách và phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách Thành phố.

5.3. Quản lý xây dựng hoặc tu bổ tôn tạo.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm.

a) Giao đơn vị trực thuộc có đủ năng lực, chuyên môn làm chủ đầu tư xây dựng hoặc tu bổ, tôn tạo;

b) Quản lý, giám sát quá trình lập, thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư, xây dựng, đấu thầu, quản lý tu bổ, tôn tạo di tích;

c) Sử dụng kinh phí, hiện vật đóng góp đúng mục đích, đối tượng.

5.4. Bàn giao công trình: sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, chủ đầu tư xây dựng công trình chịu trách nhiệm tổ chức bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.

5.5. Tham gia vốn ngân sách.

a) Ủy ban nhân dân Thành phố, cấp huyện sử dụng ngân sách để lập dự án đầu tư xây dựng hoặc dự án tu bổ tôn tạo di tích. Trong khả năng cân đối kế hoạch vốn, có thể sử dụng ngân sách bố trí hỗ trợ giai đoạn xây dựng hoặc thực hiện tu bổ tôn tạo di tích nhưng không quá 20%.

b) Theo khả năng kế hoạch ngân sách, điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cơ chế, mức hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các công trình thuộc quy định chung của Nghị quyết này.

5.6. Hội đồng nhân dân Thành phố khuyến khích áp dụng quy trình tổ chức thực hiện này đối với các công trình không thuộc danh mục kêu gọi đóng góp tự nguyện của Thành phố.

6. Quyền lợi của các tổ chức cá nhân đóng góp tự nguyện

6.1. Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện được ghi danh tại sổ truyền thống của địa phương và tổ chức quản lý di tích (nếu có); hàng năm được Ủy

ban nhân dân Thành phố tổ chức tổng kết, đánh giá tôn vinh khen thưởng tương xứng với đóng góp, phù hợp với truyền thống, thuần phong mỹ tục và tuân thủ quy định hiện hành của nhà nước và Thành phố. Cá nhân đóng góp tự nguyện được Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xét tặng Kỷ niệm chương theo tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 46/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 26/6/2008 về việc ban hành Kỷ niệm chương và Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch”.

6.2. Được tham gia, hoặc cử người đại diện tham gia trong việc giám sát quá trình đầu tư, xây dựng và thanh quyết toán vốn đầu tư.

Chương II

Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô (gồm 2 điều)

I. Tiêu chí ban hành Danh mục

Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch đã dự thảo trình UBND thống nhất các tiêu chí để xây dựng Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô như sau:

1. Tiêu chí phố cổ

Căn cứ Quyết định số 14/2004/QĐ-BVHTT ngày 05/4/2004 của Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch về việc công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 70/BXD/KT-QH ngày 30/3/1995 của Bộ Xây dựng về Quy hoạch bảo vệ, tôn tạo và phát triển khu phố Cổ Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UB ngày 04/6/1999 của UBND Thành phố Hà Nội về Điều lệ tạm thời về quản lý xây dựng, bảo tồn và tôn tạo khu phố Cổ Hà Nội;

Danh mục Phố cổ đề xuất dựa trên các tiêu chí sau:

- Là thành phần đô thị có giá trị đặc biệt đánh dấu các giai đoạn phát triển của nghệ thuật kiến trúc, lịch sử văn hóa (được hình thành từ 100 năm trở lên).
- Trên tuyến phố có nhiều công trình nhà cổ, di tích có giá trị.
- Là các phố được xếp hạng hoặc nằm trong khu vực được xếp hạng di tích lịch sử Quốc gia.

2. Tiêu chí làng cổ

- Làng cổ là làng được hình thành từ 100 năm trở lên, có tên thường gọi và tên Nôm (ví dụ làng Đông Ngạc còn có tên Nôm là Kẻ Vẽ).

- Làng đến nay còn lưu giữ lại được các thành tố vật chất thuộc kiến trúc cơ bản của làng như: cảnh quan môi trường, cổng làng, giếng làng, đường làng ngõ xóm, các di tích (đình, chùa, miếu, đền, văn chỉ, các nhà thờ dòng họ...), nhà ở dân dụng truyền thống...

- Làng hiện vẫn đang bảo tồn được các giá trị di sản văn hóa phi vật thể như: nghề truyền thống tiêu biểu, lễ hội với những tục hèm đặc sắc, hương ước cổ, gia phả các dòng họ, phong tục tập quán truyền thống...

- Làng có đặc trưng tiêu biểu về cấu trúc hoặc về vật liệu xây dựng.

3. Tiêu chí làng nghề truyền thống tiêu biểu

Là làng nghề truyền thống đã được công nhận tại Quyết định số 85/2009/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế Xét công nhận danh hiệu “Làng nghề truyền thống Hà Nội” và có thêm các tiêu chí sau:

- Làng nghề truyền thống phải có thời gian từ 100 năm trở lên (tương đương với 3 đời người làm nghề).

- Làng nghề có nhà thờ tổ nghề, có hương ước với những quy định liên quan đến việc truyền nghề, làm nghề.

- Làng nghề có lễ hội làng truyền thống hoặc lễ hội dân gian về nghề.

4. Tiêu chí biệt thự cũ

Trên cơ sở Đề án Quản lý Nhà biệt thự trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2009 (danh mục có 970 nhà biệt thự thuộc sở hữu Nhà nước), Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Xây dựng đã phối hợp với Viện Quy hoạch kiến trúc Trường Đại học Xây dựng và các chuyên gia xây dựng Báo cáo tổng kết năm 2011 về kết quả rà soát, phân loại, chấm điểm danh mục 1.540 nhà biệt thự thuộc mọi thành phần sở hữu và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận về nguyên tắc tại văn bản số 9057/UBND-TNMT ngày 21/01/2012; theo đó đã xây dựng 5 tiêu chí bảo tồn, tôn tạo theo thang điểm đánh giá là 100 điểm, cụ thể như sau:

- Giá trị về lịch sử, văn hóa, chính trị (15 điểm): là biệt thự gắn với các sự kiện lịch sử, chính trị, văn hóa hay các danh nhân lịch sử, chính trị, văn hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

- Giá trị về nghệ thuật kiến trúc (35 điểm): là biệt thự có hình khối kiến trúc hài hòa, với những góc nhìn đẹp; biệt thự có hình thức mặt đứng được trang trí đẹp với các bộ phận mái, ô văng, ban công, cửa sổ, cửa đi, lan can, các gờ phào và văn hoa trang trí có nét độc đáo.

- Giá trị về quy hoạch, cảnh quan đô thị (20 điểm): là biệt thự nằm ở những vị trí có khả năng đóng góp tích cực vào cảnh quan đô thị, như ở góc phố, quảng trường, những khu vực có tầm nhìn tốt; biệt thự ở những tuyến phố đặc trưng, biệt thự ở những tuyến phố có nhiều biệt thự Pháp, đặc biệt là những biệt thự kê liền nhau hoặc khá gần nhau; biệt thự có khuôn viên rộng, bề mặt thoáng, có cây xanh, công, hàng rào; biệt thự không bị che lấp, được lộ diện ở lớp thứ nhất.

- Tính nguyên bản (20 điểm): là mức độ thay đổi về mặt kiến trúc, kết cấu của biệt thự và các hạng mục phụ trợ so với nguyên trạng; những chỉnh trang đúng, không làm hư hỏng giá trị nguyên bản; những coi nới bằng vật liệu tạm; những thay đổi các bộ phận và làm mới lại chúng.

- Công năng, sở hữu (10 điểm): là xem xét đến yếu tố công năng hiện tại của biệt thự và quyền sở hữu biệt thự; những biệt thự thuộc sở hữu nhà nước có số điểm cao hơn biệt thự thuộc sở hữu tư nhân; những biệt thự một chủ sở hữu, sử dụng có giá trị hơn biệt thự nhiều chủ sở hữu, sử dụng.

Căn cứ tiêu chí bảo tồn, tôn tạo, biệt thự được phân thành 3 nhóm:

+ Biệt thự nhóm 1 (trên 70 điểm đến 100 điểm): gồm các biệt thự gắn liền với di tích lịch sử, văn hóa, các sự kiện chính trị được xếp hạng theo quy định của pháp luật; biệt thự có giá trị đặc biệt về kiến trúc (từ 30 điểm đến 35 điểm về giá trị nghệ thuật kiến trúc).

+ Biệt thự nhóm 2 (từ 50 điểm đến 69 điểm): gồm các biệt thự có giá trị về kiến trúc nhưng không thuộc biệt thự nhóm 1.

+ Biệt thự nhóm 3 (dưới 50 điểm): gồm các biệt thự không thuộc biệt thự nhóm 1 và nhóm 2.

Do các biệt thự cũ thuộc nhóm 2 và nhóm 3 còn có biến động nên Danh mục biệt thự cũ gồm 228 biệt thự thuộc nhóm 1 trên địa bàn các quận: quận Ba Đình có 114 biệt thự; Quận Hoàn Kiếm có 87 biệt thự; Quận Hai Bà Trưng có 24 biệt thự; Quận Tây Hồ có 03 biệt thự.

5. Tiêu chí công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954

Tại thời điểm hiện nay, việc lập danh mục các công trình khác xây dựng trước năm 1954 được căn cứ trên các tài liệu liên quan đến công tác quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc như sau:

+ Dự án nghiên cứu bảo tồn phát huy giá trị khu phố Pháp phía Nam quận Hoàn Kiếm (do Viện đào tạo chuyên ngành đô thị - IMV phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc lập. Kết quả nghiên cứu đã được IMV bàn giao cho Thành phố Hà Nội.

+ Dự án nghiên cứu bảo tồn phát huy giá trị khu phố Pháp quận Ba Đình - do Sở Quy hoạch - Kiến trúc làm chủ đầu tư, do Viện Kiến trúc - Quy hoạch Đô thị - Trường Đại học Xây dựng lập đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức nghiệm thu làm cơ sở xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc khu phố cũ, Hà Nội.

+ Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc khu phố cũ do Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì xây dựng, đã tổ chức lấy ý kiến Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch Thành phố, hiện đang tiếp tục hoàn chỉnh lấy ý kiến Bộ Xây dựng, các chuyên gia, hội xã hội nghề nghiệp.

Về ranh giới nghiên cứu:

Hiện nay, các công trình kiến trúc khác được xây dựng trước năm 1954 chỉ tập trung nghiên cứu cho khu vực phố cũ thuộc phía Nam quận Hoàn Kiếm và phía Đông quận Ba Đình (khu vực quanh Trung tâm chính trị Ba Đình) và một phần quận Hai Bà Trưng. Trong khi đó, còn nhiều công trình kiến trúc khác được xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố ngoài các khu vực nêu trên có giá trị như: Cầu Long Biên, Nhà thờ lớn Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai,

Đại học Bách Khoa Hà Nội hay các công trình công cộng trên địa bàn mở rộng địa giới hành chính của Hà Nội (sau tháng 8/2008) như quận Hà Đông, thị xã Sơn Tây... vẫn chưa được nghiên cứu, tổng hợp.

Về tiêu chí đánh giá, phân loại:

Đề xuất theo tiêu chí đánh giá, phân loại các công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954 của Dự án nghiên cứu bảo tồn phát huy giá trị khu phố Pháp quận Ba Đình do Viện Kiến trúc - Quy hoạch Đô thị - Trường Đại học Xây dựng lập (phát triển trên cơ sở các tiêu chí đánh giá, phân loại nhà biệt thự được Hội đồng các chuyên gia, kiến trúc sư có kinh nghiệm xét chọn), theo thang điểm 100 như sau:

- + Tiêu chí 1: Giá trị lịch sử văn hóa (tối đa 20 điểm)
- + Tiêu chí 2: Giá trị nghệ thuật kiến trúc (tối đa 30 điểm)
- + Tiêu chí 3: Giá trị quy hoạch, cảnh quan (tối đa 30 điểm)
- + Tiêu chí 4: Tính nguyên bản (tối đa 15 điểm)
- + Tiêu chí 5: Công năng, sở hữu (tối đa 05 điểm)

6. Tiêu chí và loại hình di sản văn hóa phi vật thể

Tại Điều 4 của Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan; có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng; không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác.

Di sản văn hóa phi vật thể đang tồn tại, bao gồm các loại hình được quy định tại Điều 4, mục 1, chương III Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc kiểm kê văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm:

- Tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam;
- Ngữ văn dân gian, bao gồm sử thi, ca dao, dân ca, tục ngữ, hò, vè, câu đố, truyện cổ tích, truyện trạng, truyện cười, truyện ngụ ngôn, hát ru và các biểu đạt khác được chuyển tải bằng lời nói hoặc ghi chép bằng chữ viết;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian, bao gồm âm nhạc, múa, hát, sân khấu và các hình thức trình diễn dân gian khác;
- Tập quán xã hội, bao gồm luật tục, hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác;
- Lễ hội truyền thống;
- Nghề thủ công truyền thống;
- Tri thức dân gian, bao gồm tri thức về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, y, dược học cổ truyền, ẩm thực, trang phục và các tri thức dân gian khác.

Căn cứ tiêu chí được xác định đã xây dựng được Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô như sau:

II. Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô (Gồm 2 điều)

1. Danh mục (gồm 06 phụ lục kèm theo)

- Danh mục Phố cổ: gồm 76 phố (biểu 01).
- Danh mục Làng cổ: gồm 01 làng (biểu 02).
- Danh mục Làng nghề truyền thống tiêu biểu: gồm 67 làng nghề (biểu 03).
- Danh mục Biệt thự cũ: gồm 228 biệt thự cũ (biểu 04).
- Danh mục công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954: gồm 45 công trình (biểu 05).
- Danh mục di sản văn hóa phi vật thể: gồm 02 loại hình (biểu 06).

2. Hàng năm Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội rà soát, điều chỉnh danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét quyết định./.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng Thành phố Hà Nội kỳ họp thứ 7 khóa XIV xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND
- Đ/c Chủ tịch UBND TP; | Đề b/c
- Các PCT UBND TP;
- Các Ban: KTNS, Pháp chế, VX HĐND TP;
- Các Sở: TP, KH&ĐT, TC; VH TT & DL, CT, QHKT, XD, NN & PTTT;
- VPUBTP: CVP, PVP Nguyễn Văn Hoạt, Đỗ Đình Hồng;
- Các Phòng: TH, VH XH, NC
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Số: /2013/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô
(Theo quy định tại khoản 3(a), (b) Điều 11 Luật Thủ đô)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XIV, KỲ HỌP LẦN THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá-Xã hội, ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng

nghệ truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Tổ chức sơ kết, tổng kết thực tiễn thi hành Nghị quyết và trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh hoặc thay thế cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Thủ đô.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP QH, VP CP;
- Ban Công tác ĐBQH;
- Các Bộ, Ngành Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; UBND TP; UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP; Các Ban HĐND TP;
- VPTU, VPĐBQH&HĐNDTP; VPUBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT./.

CHỦ TỊCH

Ngô Thị Doãn Thanh

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2013/NQ-HĐND ngày /7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội)

Chương I

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỄN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀO VIỆC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA, KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BẢO TỒN, TÔN TẠO, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ

Mục I

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA, KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: công trình văn hóa; công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí trên địa bàn Thủ đô đáp ứng được điều kiện quy định tại Điều 4.

2. Đối tượng áp dụng: cơ sở ngoài công lập được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã đủ điều kiện về năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Danh mục kêu gọi đầu tư

1. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt danh mục công trình kêu gọi đầu tư và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Danh mục công trình kêu gọi đầu tư phù hợp với quy hoạch kinh tế-xã hội; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch chuyên ngành đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Thông tin công bố: tên công trình, địa điểm, các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc; tổng vốn đầu tư dự kiến; tiến độ thực hiện; mục đích đầu tư; chính sách khuyến khích được hưởng.

Điều 3. Lựa chọn Nhà đầu tư

Quy trình nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

Điều 4. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích

1. Đối với công trình văn hóa thuộc danh mục chi tiết các loại hình tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTG ngày 10/10/2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường” thì được hưởng chính sách khuyến khích theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Đối với công trình “công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí” điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư như sau:

a) Mục đích sử dụng công cộng: phục vụ xã hội, cộng đồng như cải thiện môi trường, cảnh quan thiên nhiên; phục vụ hạ tầng đô thị như chứa nước, tiêu thoát nước; phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân như thể thao, vui chơi, giải trí.

b) Điều kiện về quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp từ 3-5%.

Trong dự án không bao gồm các công trình nhà ở; văn phòng, nhà cho thuê hoặc bất kỳ loại hình kinh doanh bất động sản nào khác.

Điều 5. Chính sách khuyến khích và trách nhiệm của Nhà đầu tư

1. Chính sách khuyến khích:

Ngoài những chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định hiện hành, nhà đầu tư được:

a) Tự chủ kinh doanh, khai thác các công trình kiến trúc xây dựng trong dự án.

b) Được hưởng chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định tại chương II Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về việc khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c) Chính sách khuyến khích đầu tư quy định tại điểm a,b trên đây được áp dụng tại thời điểm dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Trách nhiệm: đối với diện tích sử dụng công cộng nhà đầu tư chỉ được thu các loại phí, mức phí theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vận hành, duy tu, bảo trì các công trình, hạng mục của dự án theo thời gian hoạt động trong giấy chứng nhận đầu tư và các quyết định liên quan giao, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian hoạt động của dự án, nhà

đầu tư không được có bất kỳ hành vi nào cản trở các mục đích phục vụ hạ tầng đô thị chung của dự án (nếu có).

Điều 6. Đối với các dự án có tính chất đặc biệt

1. Trường hợp khu vui chơi giải trí, công viên chuyên đề có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp không quá 25%, nhà đầu tư được áp dụng đơn giá thuê đất ở mức tối thiểu.

2. Trường hợp khu vui chơi giải trí, vườn hoa, công viên công cộng có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp nhỏ hơn 3%, ngoài quy định tại Điều 5, Nhà đầu tư được ngân sách của Thành phố hỗ trợ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng dự án.

Mục II

HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀO VIỆC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA, KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BẢO TỒN, TÔN TẠO, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

Điều 7. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí, công trình văn hóa phục vụ công cộng không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô theo danh mục Thành phố kêu gọi đóng góp tự nguyện.

2. Đối tượng áp dụng: tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

Trường hợp tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp ngoài danh mục kêu gọi của Thành phố, việc nghiên cứu lập, triển khai thực hiện dự án tuân thủ theo Luật Xây dựng, Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 và các quy định hiện của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

Khuyến khích, động viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp tiền, của cải, vật chất để xây dựng các công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí; tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa vật thể mà ngân sách Nhà nước và Thành phố chưa đảm bảo được kinh phí đầu tư.

2. Yêu cầu:

Tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện không vì lợi nhuận, lợi ích cá nhân hoặc có đòi hỏi nào khác về quyền lợi trái với quy định của pháp luật hiện hành.

Quá trình quản lý, sử dụng đóng góp phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích từ khi tiếp nhận, đầu tư xây dựng, bàn giao, sử dụng; phát huy hiệu quả tinh cảm, vật chất, trí tuệ, đồng thời kịp thời có các hình thức ghi nhận tương xứng với đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho Thủ đô.

Điều 9. Danh mục kêu gọi đóng góp tự nguyện

1. Định kỳ 2 năm một lần, Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục các công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và di sản văn hóa vật thể kêu gọi đóng góp tự nguyện.

2. Danh mục công trình kêu gọi đóng góp tự nguyện phù hợp với quy hoạch kinh tế-xã hội; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch chuyên ngành đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Ngoài ra, đối với di sản văn hóa vật thể phải đáp ứng tiêu chí của khoản 9 điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung và khoản 2 điều 28 Luật Di sản văn hóa; các di vật có trong di tích, các hiện vật đã được đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

3. Quy định thông tin công bố: tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm, các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc, tổng vốn đầu tư, số tiền cần đóng góp, các nguyên vật liệu, hiện vật (nếu có), tiến độ thực hiện; các nguồn vốn đầu tư dự kiến; tiến độ thực hiện. Trường hợp các di tích, di vật thêm thông tin về tình trạng xuống cấp, nội dung tu bổ, tôn tạo và các giá trị văn hóa, lịch sử.

Điều 10. Hình thức đóng góp tự nguyện

Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện thông qua các hình thức sau đây:

1. Bằng tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ hoặc các loại giấy tờ có giá trị quy đổi ra tiền Việt Nam đồng.

2. Các loại tài sản, hiện vật, vật chất có giá trị về kinh tế, giá trị văn hóa, lịch sử hoặc phù hợp với nhu cầu sử dụng của công trình.

3. Các hình thức đóng góp khác.

Điều 11. Quy trình thực hiện

1. Căn cứ quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố, UBND Thành phố, UBND cấp huyện đề xuất danh mục, tổ chức tiếp nhận đóng góp, lập dự án; quản lý giám sát quá trình thực hiện các dự án. Cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố: các công viên, vườn hoa thuộc quận nội thành do Thành phố quản lý; công viên xây dựng mới cấp Thành phố. Đối với di tích lịch sử văn hóa gồm: Thành cổ Hà Nội, Khu di tích Cổ Loa, Khu tưởng niệm Bác Hồ ở Vạn Phúc (Hà Đông); Nhà lưu niệm Nhà tù Hỏa Lò, Nhà lưu niệm 48 Hàng Ngang, Nhà lưu niệm 5D Hàm Long, Đền Bà Kiệu, Nhà lưu niệm 90 Thợ Nhuộm, Đền Ngọc Sơn và thắng cảnh hồ Hoàn Kiếm, Công trình tưởng niệm Lê Thái Tổ, Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Chùa Láng, Bích Câu đạo quán và các công trình, di tích khác nếu xét thấy cần thiết.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí theo phân cấp quản lý. Các di tích còn lại ngoài di tích Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý.

2. Tiếp nhận đóng góp.

a) Ủy ban nhân dân các cấp giao một đơn vị để tiếp nhận và công bố đóng góp. Cơ quan tiếp nhận đóng góp phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Thành phố hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện để tiếp nhận tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ.

b) Trường hợp, hình thức đóng góp là tài sản, hiện vật, công lao động phải được thống kê, ghi nhận về số lượng, quy cách, chất lượng; trường hợp cần thiết phải chụp ảnh, quay phim. Đơn vị tiếp nhận chịu trách nhiệm xác định khối lượng hiện vật, ngày công lao động trình Ủy ban nhân dân, cấp trên của chủ đầu tư để làm cơ sở ghi thu vốn đầu tư và ghi chi dự án đầu tư. Trường hợp chưa sử dụng phải được tổ chức bảo quản đảm bảo an toàn chất lượng, số lượng.

c) Các khoản thu, chi phải được phản ánh vào ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách và phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách Thành phố.

3. Quản lý xây dựng hoặc tu bổ tôn tạo.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm.

a) Giao đơn vị trực thuộc có đủ năng lực, chuyên môn làm chủ đầu tư xây dựng hoặc tu bổ, tôn tạo;

b) Quản lý, giám sát quá trình lập, thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư, xây dựng, đấu thầu, quản lý tu bổ, tôn tạo di tích;

c) Sử dụng kinh phí, hiện vật đóng góp đúng mục đích, đối tượng.

4. Bàn giao công trình: sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, chủ đầu tư xây dựng công trình chịu trách nhiệm tổ chức bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia vốn ngân sách.

a) Ủy ban nhân dân Thành phố, cấp huyện sử dụng ngân sách để lập dự án đầu tư xây dựng hoặc dự án tu bổ tôn tạo di tích. Trong khả năng cân đối kế hoạch vốn, có thể sử dụng ngân sách bố trí hỗ trợ giai đoạn xây dựng hoặc thực hiện tu bổ tôn tạo di tích nhưng không quá 20%.

b) Theo khả năng kế hoạch ngân sách, điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cơ chế, mức hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các công trình thuộc quy định chung của Nghị quyết này.

6. Hội đồng nhân dân Thành phố khuyến khích áp dụng quy trình tổ chức thực hiện này đối với các công trình không thuộc danh mục kêu gọi đóng góp tự nguyện của Thành phố.

Điều 12. Quyền lợi của các tổ chức cá nhân đóng góp tự nguyện

1. Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện được ghi danh tại sổ truyền thống của địa phương và tổ chức quản lý di tích (nếu có); hàng năm được Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức tổng kết, đánh giá tôn vinh khen thưởng tương xứng với đóng góp, phù hợp với truyền thống, thuần phong mỹ tục và tuân thủ quy định hiện hành của nhà nước và Thành phố. Cá nhân đóng góp tự nguyện được Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

xét tặng Kỷ niệm chương theo tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 46/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 26/6/2008 về việc ban hành Kỷ niệm chương và Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch”.

2. Được tham gia, hoặc cử người đại diện tham gia trong việc giám sát quá trình đầu tư, xây dựng và thanh quyết toán vốn đầu tư.

Chương II
DANH MỤC PHỐ CỔ, LÀNG CỔ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG
TIÊU BIỂU, BIỆT THỰ CŨ, CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC KHÁC
XÂY DỰNG TRƯỚC NĂM 1954 VÀ DI SẢN VĂN HÓA
PHI VẬT THỂ TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ

Điều 13. Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô

1. Danh mục Phố cổ: gồm 76 phố (biểu 01).
2. Danh mục Làng cổ: gồm 01 làng (biểu 02).
3. Danh mục Làng nghề truyền thống tiêu biểu: gồm 67 làng nghề (biểu 03).
4. Danh mục Biệt thự cũ: gồm 228 biệt thự cũ (biểu 04).
5. Danh mục công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954: gồm 45 công trình (biểu 05).
6. Danh mục di sản văn hóa phi vật thể: gồm 02 loại hình (biểu 06).

Điều 14. Hàng năm Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội rà soát, điều chỉnh danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét quyết định./.

CHỦ TỊCH

Ngô Thị Doãn Thanh

DANH MỤC PHỐ CỔ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số /2013/NQ- HĐND ngày / /2013
của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội)

Biểu 01

TT	TÊN PHỐ	TT	TÊN PHỐ
1	Phố Bát Đàn	29	Phố Hàng Đào
2	Phố Bát Sứ	30	Phố Hàng Đậu
3	Phố Chả Cá	31	Phố Hàng Điều
4	Phố Cao Thắng	32	Phố Hàng Đồng
5	Phố Cầu Đông	33	Phố Hàng Đường
6	Phố Cầu Gỗ	34	Phố Hàng Da
7	Phố Cửa Đông	35	Phố Hàng Gà
8	Phố Chợ Gạo	36	Phố Hàng Gai
9	Phố Đào Duy Từ	37	Phố Hàng Giấy
10	Phố Đường Thành	38	Phố Hàng Giấy
11	Phố Đinh Liệt	39	Phố Hàng Hòm
12	Phố Đồng Xuân	40	Phố Hàng Khoai
13	Phố Đông Thái	41	Phố Hàng Lược
14	Phố Gầm Cầu	42	Phố Hàng Manh
15	Phố Gia Ngư	43	Phố Hàng Mã
16	Phố Hà Trung	44	Phố Hàng Mắm
17	Phố Hàng Bạc	45	Phố Hàng Muối
18	Phố Hàng Bồ	46	Phố Hàng Ngang
19	Phố Hàng Buồm	47	Phố Hàng Nón
20	Phố Hàng Bút	48	Phố Hàng Phèn
21	Phố Hàng Bông	49	Phố Hàng Quạt
22	Phố Hàng Bè	50	Phố Hàng Rươi
23	Phố Hàng Cá	51	Phố Hàng Thiếc
24	Phố Hàng Cẩn	52	Phố Hàng Thùng
25	Phố Hàng Chai	53	Phố Hàng Tre
26	Phố Hàng Chĩnh	54	Phố Hàng Vải
27	Phố Hàng Chiếu	55	Phố Lãn ông
28	Phố Hàng Cót	56	Phố Lò Rèn

TT	TÊN PHỐ	TT	TÊN PHỐ
57	Phố Lương Văn Can	67	Phố Nguyễn Văn Tố
58	Phố Lương Ngọc Quyến	68	Phố Nguyễn Thiện Thuật
59	Phố Mã Mây	69	Phố Ô Quan Chưởng
60	Phố Ngõ Gạch	70	Phố Phùng Hưng
61	Phố Ngõ Trăm	71	Phố Trần Nhật Duật
62	Phố Nhà Hoả	72	Phố Thanh Hà
63	Phố Nguyễn Hữu Huân	73	Phố Tạ Hiện
64	Phố Nguyễn Quang Bích	74	Phố Thuốc Bắc
65	Phố Nguyễn Siêu	75	Phố Tô Tịch
66	Phố Nguyễn Thiệp	76	Phố Yên Thái

DANH MỤC LÀNG CỔ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số /2013/NQ-HĐND ngày / /2013
của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội)

Biểu 02

TT	Tên làng	Xã	Thị xã
1	Đường Lâm	Đường Lâm	Sơn Tây

DANH MỤC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU

(Kèm theo Nghị quyết số /2013/NQ-HĐND ngày / /2013
của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội)

Biểu số 03

TT	Tên làng nghề	Xã, phường	Quận/Huyện/ Thị xã
1	Chế biến chè khô thôn Búi Thông	Ba Trại	Ba Vì
2	Mây tre giang thôn Lam Điền	Lam Điền	Chương Mỹ
3	Mây tre giang thôn Đông Cự	Đông Phương Yên	Chương Mỹ
4	Mây tre đan thôn Khê Than	Phú Nghĩa	Chương Mỹ
5	Mây tre đan thôn Phú Vinh	Phú Nghĩa	Chương Mỹ
6	Mây tre đan thôn Đồng Trữ	Phú Nghĩa	Chương Mỹ
7	Mây tre giang đan thôn Đông Cự	Đông Sơn	Chương Mỹ
8	Mây tre giang đan thôn Yên Trường	Trường Yên	Chương Mỹ
9	Phục chế nhà cổ và mộc dân dụng Phúc Cầu	Thụy Hương	Chương Mỹ
10	Gỗ mỹ nghệ Thiết Úng	Vân Hà	Đông Anh
11	Chế biến lâm sản thôn Hạ	Liên Trung	Đan Phượng
12	Chế biến lâm sản thôn Trung	Liên Trung	Đan Phượng
13	Đồ mộc thôn Thượng Thôn	Liên Hà	Đan Phượng
14	Gốm sứ Bát Tràng	Bát Tràng	Gia Lâm
15	Gốm sứ Giang Cao	Bát Tràng	Gia Lâm
16	Gốm sứ Kim Lan	Kim Lan	Gia Lâm
17	Dát vàng bạc quỳ và may da Kiều Ky	Kiều Ky	Gia Lâm
18	Dệt lụa Vạn Phúc	Vạn Phúc	Hà Đông
19	Rèn thôn Đa Sỹ	Kiến Hưng	Hà Đông
20	Mộc Thượng Mạo	Phú Lương	Hà Đông
21	Điêu khắc mỹ nghệ thôn Sơn Đồng	Sơn Đồng	Hoài Đức
22	Nuôi rắn Lệ Mật	Việt Hưng	Long Biên
23	Mây tre đan Nam Cường	Tam Đồng	Mê Linh
24	Dệt Phùng Xá	Phùng Xá	Mỹ Đức
25	Thêu xuất khẩu thôn Hoành	Đồng Tâm	Mỹ Đức
26	Sơn khảm thôn Bối Khê	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên
27	Sơn khảm thôn Ngô	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên
28	Khảm trai làng Hạ	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên
29	Cò té thôn Phú Túc	Phú Túc	Phú Xuyên
30	Giấy da thôn Giẽ Hạ	Phú Yên	Phú Xuyên
31	Giấy da thôn Giẽ Thượng	Phú Yên	Phú Xuyên
32	Khảm trai thôn Ứng Cử	Vân Từ	Phú Xuyên

TT	Tên làng nghề	Xã, phường	Quận/Huyện/ Thị xã
33	May mặc thôn Chung	Vân Từ	Phú Xuyên
34	Nặn tò he làng Xuân La	Phượng Dực	Phú Xuyên
35	Dệt thảm thôn Làng Đông	Phụng Thượng	Phúc Thọ
36	May thôn Thượng Hiệp	Tam Hiệp	Phúc Thọ
37	Đục chạm gỗ mộc dân dụng Ngọc Than	Ngọc Mỹ	Quốc Oai
38	Bánh tẻ thôn Phú Nhi	Phú Thịnh	Sơn Tây
39	Tre trúc Thu Thủy	Xuân Thu	Sóc Sơn
40	Mây tre đan thôn Bình Xá	Bình Phú	Thạch Thất
41	Đồ mộc, may thôn Hữu Bằng	Hữu Bằng	Thạch Thất
42	Mộc thôn Chàng Sơn	Chàng Sơn	Thạch Thất
43	Cơ khí nông cụ Phùng Xá	Phùng Xá	Thạch Thất
44	Nón thôn Quang Trung	Phương Trung	Thanh Oai
45	Điêu khắc thôn Dư Dụ	Thanh Thủy	Thanh Oai
46	Sơn tạc tượng thôn Vũ Lăng	Dân Hoà	Thanh Oai
47	Nón mũ lá thôn Tri Lễ	Tân Ước	Thanh Oai
48	Mộc truyền thống thôn Áng Phao	Cao Dương	Thanh Oai
49	Truyền thống làm bánh Tranh Khúc	Duyên Hà	Thanh Tri
50	Dệt đũi tơ tằm thôn Cống Xuyên	Nghiêm Xuyên	Thường Tín
51	Thêu thôn Đào Xá	Thắng Lợi	Thường Tín
52	Tre đan thôn Bằng Sở	Ninh Sở	Thường Tín
53	Mộc cao cấp thôn Vạn Diễm	Vạn Diễm	Thường Tín
54	Điêu khắc thôn Nhân Hiền	Hiền Giang	Thường Tín
55	Thêu thôn Cổ Chất	Dũng Tiến	Thường Tín
56	Thêu thôn Đông Cứu	Dũng Tiến	Thường Tín
57	Tiện gỗ thôn Nhị Khê	Nhị Khê	Thường Tín
58	Thêu ren thôn Quất Động	Quất Động	Thường Tín
59	Thêu ren thôn Lưu Xá	Quất Động	Thường Tín
60	Sơn mài thôn Hạ Thái	Duyên Thái	Thường Tín
61	Lược sừng Thủy Ứng	Hoà Bình	Thường Tín
62	Bún Phú Đô	Mễ Trì	Từ Liêm
63	Tre giang thôn Đồng Vũ	Trường Thịnh	Ứng Hòa
64	Tre đan thôn Hoàng Dương	Sơn Công	Ứng Hòa
65	Dệt Hoà Xá	Hoà Xá	Ứng Hòa
66	May áo dài truyền thống thôn Trạch Xá	Hoà Lâm	Ứng Hòa
67	Sản xuất nhạc dân tộc Đào Xá	Đông Lỗ	Ứng Hòa

DANH MỤC BIỆT THỰ CŨ

(Kèm theo Nghị quyết số /2013/NQ-HĐND ngày / /2013
của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội)

Biểu 04

STT	MÃ	QUẬN	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ	
				LỀ	CHẶN
1	BS-BD-BTQ-005	Ba Đình	Bà Huyện Thanh Quan	5	
2	BS-BD-BTQ-007	Ba Đình	Bà Huyện Thanh Quan	7	
3	BS-BD-BTQ-010	Ba Đình	Bà Huyện Thanh Quan		10
4	BS-BD-BTQ-012	Ba Đình	Bà Huyện Thanh Quan		12
5	BS-BD-CBQ-023	Ba Đình	Cao Bá Quát	23	
6	BS-BD-CBQ-025	Ba Đình	Cao Bá Quát	25	
7	BS-BD-CBQ-027	Ba Đình	Cao Bá Quát	27	
8	BS-BD-CHH-001	Ba Đình	Chu Văn An	1	
9	BS-BD-CHH-002A	Ba Đình	Chu Văn An		2A
10	BS-BD-CHH-008	Ba Đình	Chu Văn An		8
11	BS-BD-CHH-009	Ba Đình	Chu Văn An	9	
12	BS-BD-CHH-011	Ba Đình	Chu Văn An	11	
13	BS-BD-CHH-013	Ba Đình	Chu Văn An	13	
14	BS-BD-CHH-015	Ba Đình	Chu Văn An	15	
15	BS-BD-CHM-001	Ba Đình	Chùa Một Cột	1	
16	BS-BD-CHM-003	Ba Đình	Chùa Một Cột	3	
17	BS-BD-CHM-005	Ba Đình	Chùa Một Cột	5	
18	BD-CHM-007	Ba Đình	Chùa Một Cột	7	
19	BD-CHM-011	Ba Đình	Chùa Một Cột	11	
20	BD-DBP-033	Ba Đình	Điện Biên Phủ	33	
21	BS-BD-DBP-041	Ba Đình	Điện Biên Phủ	41	
22	BS-BD-DBP-043	Ba Đình	Điện Biên Phủ	43	
23	BS-BD-DBP-045	Ba Đình	Điện Biên Phủ	45	
24	BS-BD-DBP-047	Ba Đình	Điện Biên Phủ	47	
25	BS-BD-DBP-049	Ba Đình	Điện Biên Phủ	49	
26	BD-HOD-006	Ba Đình	Hoàng Diệu		6
27	BD-HOD-026	Ba Đình	Hoàng Diệu		26
28	BD-HOD-030	Ba Đình	Hoàng Diệu		30
29	BD-HOD-034	Ba Đình	Hoàng Diệu		34
30	BS-BD-HOD-058	Ba Đình	Hoàng Diệu		58

STT	MÃ	QUẬN	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ	
				LỀ	CHẤN
31	BS-BD-HOD-(063-065)	Ba Đình	Hoàng Diệu	63+65	
32	BS-BD-HOH-183	Ba Đình	Hoàng Hoa Thám	183	
33	BS-BD-HUV-010	Ba Đình	Hùng Vương		10
34	BS-BD-HUV-012	Ba Đình	Hùng Vương		12
35	BD-HUV-025	Ba Đình	Hùng Vương	25	
36	BS-BD-KHA-006	Ba Đình	Khúc Hạo		6
37	BD-KHA-010	Ba Đình	Khúc Hạo		10
38	BS-BD-LEH-002	Ba Đình	Lê Hồng Phong		2
39	BS-BD-LEH-004	Ba Đình	Lê Hồng Phong		4
40	BS-BD-LEH-005AB	Ba Đình	Lê Hồng Phong	5A+5B	
41	BS-BD-LEH-006	Ba Đình	Lê Hồng Phong		6
42	BS-BD-LEH-006A	Ba Đình	Lê Hồng Phong		6A
43	BS-BD-LEH-006B	Ba Đình	Lê Hồng Phong		6B
44	BS-BD-LEH-008	Ba Đình	Lê Hồng Phong		8
45	BS-BD-LEH-009	Ba Đình	Lê Hồng Phong	9	
46	BS-BD-LEH-023B	Ba Đình	Lê Hồng Phong	23B	
47	BD-MXT-003	Ba Đình	Mai Xuân Thưởng	3	
48	BS-BD-NOH-170	Ba Đình	Ngọc Hà		170
49	BS-BD-NGC-002	Ba Đình	Nguyễn Cảnh Chân		2
50	BS-BD-NGC-002A	Ba Đình	Nguyễn Cảnh Chân		2A
51	BS-BD-NGC-004	Ba Đình	Nguyễn Cảnh Chân		4
52	BS-BD-NGC-004B	Ba Đình	Nguyễn Cảnh Chân		4B
53	BD-NGC-005	Ba Đình	Nguyễn Cảnh Chân	5	
54	BS-BD-NGC-006	Ba Đình	Nguyễn Cảnh Chân		6
55	BS-BD-NGH-044	Ba Đình	Nguyễn Thái Học		44
56	BS-BD-NGH-046	Ba Đình	Nguyễn Thái Học		46
57	BS-BD-NGH-(048-050)	Ba Đình	Nguyễn Thái Học		48+50
58	BS-BD-NGH-056	Ba Đình	Nguyễn Thái Học		56
59	BS-BD-NGH-058	Ba Đình	Nguyễn Thái Học		58
60	BS-BD-NGH-060	Ba Đình	Nguyễn Thái Học		60
61	BD-NGH-067	Ba Đình	Nguyễn Thái Học	67	
62	BS-BD-NGH-(084+084B)	Ba Đình	Nguyễn Thái Học		84+84B
63	BD-OIK-005	Ba Đình	Ông Ích Khiêm	5	
64	BD-PND-049	Ba Đình	Phan Đình Phùng	49	

STT	MÃ	QUẬN	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ	
				LỀ	CHẶN
65	BD-PND-051	Ba Đình	Phan Đình Phùng	51	
66	BD-PND-053	Ba Đình	Phan Đình Phùng	53	
67	BD-PND-055	Ba Đình	Phan Đình Phùng	55	
68	BD-PND-057	Ba Đình	Phan Đình Phùng	57	
69	BD-PND-059	Ba Đình	Phan Đình Phùng	59-61	
70	BD-PND-062	Ba Đình	Phan Đình Phùng		62
71	BS-BD-PND-063	Ba Đình	Phan Đình Phùng	63	
72	BD-PND-064	Ba Đình	Phan Đình Phùng		64
73	BD-PND-065A	Ba Đình	Phan Đình Phùng	65A	
74	BD-PND-065B	Ba Đình	Phan Đình Phùng	65B	
75	BD-PND-067	Ba Đình	Phan Đình Phùng	67	
76	BD-PND-068	Ba Đình	Phan Đình Phùng		68
77	BD-PND-068A	Ba Đình	Phan Đình Phùng		68A
78	BD-PND-069	Ba Đình	Phan Đình Phùng	69	
79	BD-PND-070	Ba Đình	Phan Đình Phùng		70
80	BD-PND-071	Ba Đình	Phan Đình Phùng	71	
81	BD-PND-072	Ba Đình	Phan Đình Phùng		72
82	BD-PND-074	Ba Đình	Phan Đình Phùng		74
83	BD-PND-076	Ba Đình	Phan Đình Phùng		76
84	BD-PND-078	Ba Đình	Phan Đình Phùng		78
85	BS-BD-QUT-095B	Ba Đình	Quán Thánh	95B	
86	BD-QUT-103	Ba Đình	Quán Thánh	103	
87	BS-BD-QUT-105A	Ba Đình	Quán Thánh	105A	
88	BD-QUT-105B	Ba Đình	Quán Thánh	105B	
89	BD-QUT-107	Ba Đình	Quán Thánh	107	
90	BS-BD-QUT-154	Ba Đình	Quán Thánh		154
91	BD-QUT-168	Ba Đình	Quán Thánh		168
92	BD-QUT-n105-003	Ba Đình	Quán Thánh (ngõ 105)	3	
93	BS-BD-TRP-025	Ba Đình	Trần Phú	25	
94	BS-BD-TRP-027	Ba Đình	Trần Phú	27	
95	BS-BD-TRP-029	Ba Đình	Trần Phú	29	
96	BS-BD-TRP-031A	Ba Đình	Trần Phú	31A	
97	BS-BD-TRP-031B	Ba Đình	Trần Phú	31B	
98	BS-BD-TRP-035	Ba Đình	Trần Phú	35	

STT	MÃ	QUẬN	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ	
				LỀ	CHẤN
99	BS-BD-TRP-039	Ba Đình	Trần Phú	39	
100	BS-BD-TRP-041	Ba Đình	Trần Phú	41	
101	BS-BD-TRP-042	Ba Đình	Trần Phú		42
102	BS-BD-TRP-047	Ba Đình	Trần Phú	47	
103	BS-BD-TRP-048A	Ba Đình	Trần Phú		48A
104	BS-BD-TRP-049	Ba Đình	Trần Phú	49	
105	BS-BD-TRP-050	Ba Đình	Trần Phú		50
106	BS-BD-TRP-051	Ba Đình	Trần Phú	51	
107	BS-BD-TRP-053	Ba Đình	Trần Phú	53	
108	BS-BD-TRP-054	Ba Đình	Trần Phú		54
109	BS-BD-TRP-055A	Ba Đình	Trần Phú	55A	
110	BS-BD-TRP-055B	Ba Đình	Trần Phú	55B	
111	BD-TRP-057	Ba Đình	Trần Phú	57	
112	BS-BD-TRU-095	Ba Đình	Trúc Bạch	95	
113	BS-BD-TRU-097	Ba Đình	Trúc Bạch	97	
114	BS-BD-TRU-099	Ba Đình	Trúc Bạch	99	
115	HK-BAT-033	Hoàn Kiếm	Bà Triệu	33	
116	BS-HK-BAT-060	Hoàn Kiếm	Bà Triệu		60
117	BS-HK-BAT-064	Hoàn Kiếm	Bà Triệu		64
118	BS-HK-BAT-067	Hoàn Kiếm	Bà Triệu	67	
119	HK-CHC-008	Hoàn Kiếm	Chân Cầm		8
120	BS-HK-DGT-001B	Hoàn Kiếm	Đặng Thái Thân	1B	
121	HK-DIC-006	Hoàn Kiếm	Đinh Công Tráng		6
122	HK-HAH-007	Hoàn Kiếm	Hạ Hồi	7	
123	HK-HAH-032	Hoàn Kiếm	Hạ Hồi		32
124	HK-HBU-019	Hoàn Kiếm	Hàng Buồm	19	
125	HK-LEH-005	Hoàn Kiếm	Lê Phụng Hiểu	5	
126	BS-HK-LEH-007	Hoàn Kiếm	Lê Phụng Hiểu	7	
127	BS-HK-LEH-009	Hoàn Kiếm	Lê Phụng Hiểu	9	
128	BS-HK-LEH-012	Hoàn Kiếm	Lê Phụng Hiểu		12
129	BS-HK-LEH-018	Hoàn Kiếm	Lê Phụng Hiểu		18
130	HK-LEI-001	Hoàn Kiếm	Lê Thái Tổ	1	
131	BS-HK-LET-008	Hoàn Kiếm	Lê Thánh Tông	3	
132	BS-HK-LET-053	Hoàn Kiếm	Lê Thánh Tông	9	

STT	MÃ	QUẬN	ĐƯỜNG PHÓ (NGÕ)	SỐ NHÀ	
				LỀ	CHẤN
133	BS-HK-LYN-004	Hoàn Kiếm	Lý Nam Đế		4
134	HK-LYN-073	Hoàn Kiếm	Lý Nam Đế	73	
135	HK-LYT-043	Hoàn Kiếm	Lý Thái Tổ		43
136	HK-LYT-051	Hoàn Kiếm	Lý Thái Tổ	51	
137	BS-HK-LYT-053	Hoàn Kiếm	Lý Thái Tổ	53	
138	BS-HK-LYU-016	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt		16
139	BS-HK-LYU-019	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt	19	
140	BS-HK-LYU-041	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt	41	
141	HK-LYU-051	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt	51	
142	HK-LYU-058	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt		58
143	HK-LYU-059	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt	59	
144	HK-LYU-064	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt		64
145	BS-HK-LYU-065	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt	65	
146	BS-HK-LYU-065A	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt	65A	
147	BS-HK-LYU-066	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt		66
148	BS-HK-LYU-067	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt	67	
149	BS-HK-LYU-072	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt		72
150	HK-LYU-084	Hoàn Kiếm	Lý Thường Kiệt		84
151	BS-HK-NOQ-038	Hoàn Kiếm	Ngô Quyền		38
152	BS-HK-NOQ-048	Hoàn Kiếm	Ngô Quyền		48
153	BS-HK-NOQ-051	Hoàn Kiếm	Ngô Quyền	51	
154	BS-HK-NOQ-064	Hoàn Kiếm	Ngô Quyền		64
155	HK-NOQ-066	Hoàn Kiếm	Ngô Quyền		66
156	HK-NOQ-070	Hoàn Kiếm	Ngô Quyền		70
157	HK-NOQ-072	Hoàn Kiếm	Ngô Quyền		72
158	HK-NGG-014	Hoàn Kiếm	Nguyễn Gia Thiều		14
159	BS-HK-PNB-018	Hoàn Kiếm	Phan Bội Châu		18
160	BS-HK-PNB-(025-029)	Hoàn Kiếm	Phan Bội Châu	25	
161	BS-HK-PNB-026	Hoàn Kiếm	Phan Bội Châu		26
162	BS-HK-PNC-012	Hoàn Kiếm	Phan Chu Trinh		12
163	BS-HK-PNC-013	Hoàn Kiếm	Phan Chu Trinh	13	
164	BS-HK-PNC-015	Hoàn Kiếm	Phan Chu Trinh	15	
165	HK-QUT-006B	Hoàn Kiếm	Quang Trung		6B
166	HK-QUT-006C	Hoàn Kiếm	Quang Trung		6C

STT	MÃ	QUẬN	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ	
				LỀ	CHẤN
167	HK-QUT-032	Hoàn Kiếm	Quang Trung		32
168	HK-QUT-037	Hoàn Kiếm	Quang Trung	37	
169	HK-QUT-042	Hoàn Kiếm	Quang Trung		42
170	HK-QUT-045	Hoàn Kiếm	Quang Trung	45	
171	BS-HK-QUT-047	Hoàn Kiếm	Quang Trung	47	
172	BS-HK-TOD-018	Hoàn Kiếm	Tông Đản		18
173	BS-HK-TOD-020	Hoàn Kiếm	Tông Đản		20
174	HK-TOD-022	Hoàn Kiếm	Tông Đản		22
175	HK-TOD-024	Hoàn Kiếm	Tông Đản		24
176	HK-THN-064	Hoàn Kiếm	Thợ Nhuộm		64
177	BS-HK-THN-081	Hoàn Kiếm	Thợ Nhuộm	81	
178	BS-HK-THN-090	Hoàn Kiếm	Thợ Nhuộm		90
179	BS-HK-TRB-022	Hoàn Kiếm	Trần Bình Trọng		22
180	BS-HK-TRB-025	Hoàn Kiếm	Trần Bình Trọng	25	
181	BS-HK-TRD-013	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	13	
182	BS-HK-TRD-027B	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	27B	
183	BS-HK-TRD-043	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	43	
184	HK-TRD-046	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo		46
185	BS-HK-TRD-051	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	51	
186	BS-HK-TRD-053	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	53	
187	BS-HK-TRD-(058-060)	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo		58+60
188	BS-HK-TRD-066	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo		66
189	HK-TRD-068B	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo		68B
190	BS-HK-TRD-071	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	71	
191	HK-TRD-077A	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	77A	
192	BS-HK-TRD-077B	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	77B	
193	BS-HK-TRD-086	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo		86
194	BS-HK-TRD-089	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	89	
195	BS-HK-TRD-101	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo	101	
196	BS-HK-TRD-106	Hoàn Kiếm	Trần Hưng Đạo		106
197	HK-TRQ-056	Hoàn Kiếm	Trần Quốc Toàn		56
198	HK-TRQ-059A	Hoàn Kiếm	Trần Quốc Toàn	59A	
199	HK-TRQ-061	Hoàn Kiếm	Trần Quốc Toàn	61	
200	HK-TRQ-063	Hoàn Kiếm	Trần Quốc Toàn	63	

STT	MÃ	QUẬN	ĐƯỜNG PHỐ (NGÕ)	SỐ NHÀ	
				LÊ	CHẶN
201	BS-HK-TR2-053	Hoàn Kiếm	Tràng Thi	53	
202	HB-BAT-185	Hai Bà Trưng	Bà Triệu	185	
203	BS-HB-HAT-136	Hai Bà Trưng	Bùi Thị Xuân		136
204	HB-HNC-018	Hai Bà Trưng	Hàng Chuối		18
205	HB-HNC-024	Hai Bà Trưng	Hàng Chuối		24+26
206	HB-LED-008	Hai Bà Trưng	Lê Đại Hành		8
207	BS-HB-NOT-037	Hai Bà Trưng	Ngô Thị Nhậm	37	
208	HB-NGD-059	Hai Bà Trưng	Nguyễn Du	59	
209	HB-NGD-062	Hai Bà Trưng	Nguyễn Du		62
210	BS-HB-NGD-078	Hai Bà Trưng	Nguyễn Du		78
211	HB-NGD-084	Hai Bà Trưng	Nguyễn Du		84A+84B
212	HB-NGD-090	Hai Bà Trưng	Nguyễn Du		90
213	HB-NGH-030	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huy Tự		30
214	HB-PDH-007	Hai Bà Trưng	Phạm Đình Hổ	7	
215	HB-PDH-009	Hai Bà Trưng	Phạm Đình Hổ	9	
216	HB-PDH-010	Hai Bà Trưng	Phạm Đình Hổ		10
217	HB-PDH-011	Hai Bà Trưng	Phạm Đình Hổ	11	
218	HB-TOH-046	Hai Bà Trưng	Tô Hiến Thành		46
219	HB-TOH-094	Hai Bà Trưng	Tô Hiến Thành		94
220	BS-HB-THQ-004	Hai Bà Trưng	Thiên Quang		4
221	HB-THQ-006	Hai Bà Trưng	Thiên Quang		6
222	HB-THQ-008	Hai Bà Trưng	Thiên Quang		8
223	HB-THQ-011	Hai Bà Trưng	Thiên Quang	11	
224	BS-HB-THQ-010	Hai Bà Trưng	Thiên Quang		10
225	HB-THQ-012	Hai Bà Trưng	Thiên Quang		12
226	BD-THA-003	Tây Hồ	Thanh Niên	9	
227	BS-BD-THK-069	Tây Hồ	Thụy Khuê	69	
228	BS-BD-THK-086	Tây Hồ	Thụy Khuê		86

DANH MỤC**CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC KHÁC XÂY DỰNG TRƯỚC NĂM 1954**

(Kèm theo Nghị quyết /2013/NQ-HĐND ngày / /2013

của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội)

Biểu 05

TT	Tên công trình	Tên phố	Quận
1	Bệnh viện Xanh Pôn	12 Chu Văn An	Ba Đình
2	Cục Kinh tế - Bộ Quốc Phòng	28A Điện Biên Phủ	Ba Đình
3	Công ty cổ phần Than Sông Hồng	30 Điện Biên Phủ	Ba Đình
4	Bảo tàng Quân Đội	28B Điện Biên Phủ	Ba Đình
5	UBND Phường Điện Biên	8 Lê Trực	Ba Đình
6	Trụ sở Báo Văn nghệ quân đội	4 Lý Nam Đế	Ba Đình
7	Trụ sở Bảo hiểm Bộ Quốc Phòng	28 Lý Nam Đế	Ba Đình
8	Cục Tình báo quân đội	40 Lý Nam Đế	Ba Đình
9	Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam	66 Nguyễn Thái Học	Ba Đình
10	Trung tâm khám bệnh trẻ em	72 Nguyễn Thái Học	Ba Đình
11	Trụ sở Báo Quân đội nhân dân	7 Phan Đình Phùng	Ba Đình
12	Trường THPT Phan Đình Phùng	30 Phan Đình Phùng	Ba Đình
13	Ủy ban Dân tộc Trung ương	80 Phan Đình Phùng	Ba Đình
14	Trường THPT Chu Văn An	10 Thụy Khuê	Ba Đình
15	Ủy ban Olympic Việt Nam	36 Trần Phú	Ba Đình
16	Nhà máy thiết bị Bưu điện	61 Trần Phú	Ba Đình
17	Trụ sở Công đoàn giáo dục	2 Trịnh Hoài Đức	Ba Đình
18	Tháp nước Hàng Đậu	Hàng Đậu	Ba Đình
19	Nhà thờ Cửa Bắc	56 Phan Đình Phùng	Ba Đình
20	Viện Goethe Hà Nội	56 Nguyễn Thái Học	Ba Đình
21	Viện Vệ sinh dịch tễ TU	01 Yecxanh	Hai Bà Trưng
22	Viện Giải phẫu	48 Tăng Bạt Hổ	Hai Bà Trưng
23	Tổng Cục thuế	123 Lò Đức	Hai Bà Trưng
24	Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam	53 Nguyễn Du	Hai Bà Trưng
25	Bộ Văn hóa thể thao và du lịch	51 Ngô Quyền	Hoàn Kiếm
26	Đại sứ quán NaUy	41 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm
27	Bộ Khoa học và công nghệ	39 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm
28	Bệnh viện răng hàm mặt	40B Tràng Thi	Hoàn Kiếm
29	Bệnh viện K	43 Quán Sứ	Hoàn Kiếm
30	Trung tâm lưu trữ quốc gia	33 Tràng Thi	Hoàn Kiếm

TT	Tên công trình	Tên phố	Quận
31	Thư viện Quốc gia	33 Tràng Thi	Hoàn Kiếm
32	Tòa án nhân dân tối cao	48 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm
33	Bệnh viện Việt Nam - CuBa	37 Hai Bà Trưng	Hoàn Kiếm
34	Trường THCS Trưng Vương	26 Hàng Bài	Hoàn Kiếm
35	Thư viện Khoa học kỹ thuật	24 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm
36	Viện Chiến lược chính sách	38 Ngô Quyền	Hoàn Kiếm
37	Trường đại học Dược	19 Lê Thánh Tông	Hoàn Kiếm
38	Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	01 Tràng Tiền	Hoàn Kiếm
39	Nhà khách Bộ quốc phòng	33 Phạm Ngũ Lão	Hoàn Kiếm
40	Nhà thờ Hàm Long	21 Hàm Long	Hoàn Kiếm
41	Trường PTTH Việt Đức	47 Lý Thường Kiệt	Hoàn Kiếm
42	Bộ Giao thông vận tải	80 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm
43	Ga Hà Nội	120 Lê Duẩn	Hoàn Kiếm
44	Công an Thành phố Hà Nội	85 Trần Hưng Đạo	Hoàn Kiếm
45	Nhà Xuất bản Hội nhà văn	65 Nguyễn Du	Hoàn Kiếm

DANH MỤC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

(Kèm theo Nghị quyết số /2013/NQ-HĐND ngày / /2013
của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hà Nội)

Biểu 06

TT	Tên di sản	Xã/ phường	Quận/ huyện
1	Hội Gióng tại đền Sóc và đền Phù Đồng	Vệ Linh Phù Đồng	Sóc Sơn Gia Lâm
2	Hát Ca trù	Các quận, huyện, thị xã	